

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/DS-PT

Ngày: 20-5-2022

“V/v tranh chấp thừa kế”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

*Các thẩm phán:*

Ông Đặng Văn Nhữn

Ông Nguyễn Văn P

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:** Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân A, tỉnh Long An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Bạch Thị T, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Chánh H, xã Tân M, huyện Đức H, tỉnh Long An.

2. Bà Bạch Thị S, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số 129/1 ấp 1, xã Hiệp T, huyện Châu T, tỉnh Long An.

3. Bà Bạch Thị B, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Bình Trị X, xã Phú Ngãi Tr, huyện Châu T, tỉnh Long An.

4. Bà Bạch Thị T, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Số 474/5, đường Hùng V, Phường X, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

5. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Số 2 đường Đỗ Văn G, ấp Hòa B, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

6. Ông Bạch Văn Tx, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Số 2 đường Đỗ Văn Giàu, ấp Hòa B, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

7. Bà Bạch Thị Mộng T1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 36/369 đường Châu Thị Kim, Phường 7, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

8. Bà Bạch Thị Kim T2, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 50 đường Nguyễn Cửu V, Phường X, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

9. Bà Bạch Thị Thảo P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 2 đường Đỗ Văn Giàu, ấp Hòa B, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Kim T2, Bạch Thị Thảo P: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954 (có mặt);*

Địa chỉ: Số 2 đường Đỗ Văn Giàu, ấp Hòa B, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 15/3/2021)

- *Bị đơn:*

1. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: Số 81, đường Trần Văn Ngà, ấp Hòa B, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

2. Ông Bạch Văn V, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số 81, đường Trần Văn Ngà, ấp Hòa B, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

3. Bà Bạch Thị D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 81, đường Trần Văn Ngà, ấp Hòa B, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

4. Bà Bạch Thị L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 81, đường Trần Văn Ngà, ấp Hòa B, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Bạch Bạch Thị L, bà Bạch Thị D: Bà Hồ Thị L sinh năm 1955 (có mặt);*

Địa chỉ: Số 81, đường Trần Văn Ngà, ấp Hòa B, xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2021 và ngày 31/12/2021) (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hồ Thị L, ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D:* Luật sư Trần Thị Mai Hương – Luật sư Văn phòng luật sư Trần Mộng Huyền thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân A.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn các ông bà Bạch Thị T, Bạch Thị S, Bạch Thị B, Bạch Thị T, Nguyễn Thị X, Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2, Bạch Văn Tx thống nhất trình bày:*

Cụ Bạch Văn Thu (chết ngày 04/5/2013) và cụ Phạm Thị Anh (chết ngày 07/4/2015) là vợ chồng. Cụ Thu và cụ Anh chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bạch Văn Thu và cụ Phạm Thị Anh gồm 06 người con: Bạch Thị T; Bạch Thị S; Bạch Thị B; Bạch Thị T; Bạch Văn Thoi (đã chết năm 2019) có vợ là bà Nguyễn Thị X, con là Bạch Văn Tx, Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2; ông Bạch Văn Tư (đã chết năm 2015) có vợ là bà Hồ Thị L, các con là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D.

Căn cứ vào nội dung bản án phúc thẩm số 133/2019/DS-PT ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì cụ Bạch Văn Thu và cụ Phạm Thị Anh để lại phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích như sau:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20, diện tích 1.181,1m<sup>2</sup> và quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 631, tờ bản đồ số 3; có diện tích 5.000m<sup>2</sup> cùng tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Nay các nguyên đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật cho các con như sau:

Đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20, diện tích 1287m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 1.181,1m<sup>2</sup>) thì yêu cầu chia bằng tiền theo giá nhà nước vì đây là phần đất có 02 ngôi mộ của cụ Bạch Văn Thu và cụ Phạm Thị Anh nên để cho người con Bạch Thị B đứng tên, những người thừa kế còn lại yêu cầu nhận bằng tiền.

Đối với quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 631, tờ bản đồ số 3, có diện tích 5.000m<sup>2</sup> yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại thành 6 phần bằng nhau, trong đó chia hiện vật thành năm phần mỗi phần 1000m<sup>2</sup> và một phần còn lại yêu cầu chia cho bà Bạch Thị S được nhận bằng tiền.

Đối với tài sản trên đất gồm căn nhà ngói nằm trên thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20 địa chỉ xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A và số tiền bồi thường từ việc thu

hội quyền sử dụng đất một phần thửa số 17, tờ bản đồ số 4-20, địa chỉ xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A các nguyên đơn không yêu cầu chia.

*Bị đơn bà Hồ Thị L trình bày:*

Cụ Bạch Văn Thu đã chết vào ngày 04/5/2013 và cụ Phạm Thị Anh chết vào ngày 07/4/2015 không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bạch Văn Thu và cụ Phạm Thị Anh như lời trình bày của các nguyên đơn.

Về di sản thừa kế của cụ Thu và cụ Anh, bà thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn. Đối với yêu cầu phân chia di sản thừa kế, bà L yêu cầu như sau: Thửa 17 tờ bản đồ số 4-20 chia theo hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thu và cụ Anh gồm 06 người con như nguyên đơn trình bày. Bà có yêu cầu chia cho bà và 03 con Bạch Văn V, Bạch Thị L, Bạch Thị D giá trị đất theo thẩm định của Tòa án theo giá thị trường. Đối với thửa 631, tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, bà yêu cầu chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 06 người con của cụ Anh, cụ Thu. Bà và các con của bà có yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, yêu cầu nhận bằng hiện vật chia theo vị trí tiếp giáp phần còn lại của thửa 631 bà đang sử dụng.

*Bị đơn ông Bạch Văn V trình bày:* Ông là con của ông Thu, bà L. Ông có yêu cầu chia thừa kế cho ông và các em của ông là Bạch Thị L, Bạch Thị D và mẹ của ông là bà Hồ Thị L như sau: Đối với thửa số 17, tờ bản đồ số 4-20 chia tiền theo kỹ phần ông và bà L, bà L, bà D được hưởng theo kết quả định giá là 829.525.000 đồng. Đất lúa chia theo kỹ phần ông và bà L, bà D, bà L được chia là 850m<sup>2</sup> theo vị trí sát đất của ông, bà L, bà D, bà L.

Tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân A đã căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 623, Điều 649, Điều 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế của các đồng nguyên đơn bà Bạch Thị T, bà Bạch Thị S, bà Bạch Thị B, bà Bạch Thị T, bà Nguyễn Thị X, bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2 đối với bị đơn bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V.

1.1. Hồ Thị L, Bạch Thị L, Bạch Thị D, Bạch Văn V được sử dụng diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC (Theo Mạnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A

Dệt ngày 22/12/2020 thuộc khu B1 (theo bản phân khu ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đính kèm)).

1.2. Bà Nguyễn Thị X, bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2 được sử dụng diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC (Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020 thuộc khu B2 (theo bản phân khu ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đính kèm)).

1.3. Bà Bạch Thị B được sử dụng diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC (Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020 thuộc khu B3 (theo bản phân khu ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đính kèm)).

1.4. Bà Bạch Thị T được sử dụng diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC (Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020 thuộc khu B4 (theo bản phân khu ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đính kèm)).

1.5. Bà Bạch Thị T được sử dụng diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC (Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020 thuộc khu B5 (theo bản phân khu ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đính kèm)).

1.6. Bà Bạch Thị T, bà Bạch Thị B, bà Bạch Thị T, mỗi người phải hoàn cho bà Bạch Thị S số tiền là 139.028.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

1.7. Bà Hồ Thị L và các con là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D phải hoàn cho bà Bạch Thị S số tiền là 139.028.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

1.8. Bà Nguyễn Thị X, bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2, phải hoàn cho bà Bạch Thị S số tiền là 139.028.000đ (một trăm ba mươi chín triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

2. Giao cho bà Bạch Thị B được quyền quản lý sử dụng di sản thừa kế là thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20 diện tích đo đạc thực tế là 1181,1 m<sup>2</sup> loại đất ONT.

Vị trí tứ cận loại đất (Theo Mảnh trích đo địa chính số 205 – 2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020).

2.1. Bà Bạch Thị B phải hoàn trả lại cho bà Bạch Thị T, Bạch Thị S, Bạch Thị T mỗi người 160.161.400 đồng (một trăm S mươi triệu, một trăm S mươi một nghìn, bốn trăm đồng). Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị X, bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2 số tiền 160.161.400đ (một trăm S mươi triệu, một trăm S mươi một nghìn, bốn trăm đồng). Hoàn lại cho bà Hồ Thị L, ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D số tiền 160.161.400đ (một trăm S mươi triệu, một trăm S mươi một nghìn, bốn trăm đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Văn Tx đối với bị đơn bà Hồ Thị L, ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp).

Trong trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

4. Về chi phí đo vẽ định giá và xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp: Buộc bà Bạch Thị T, bà Bạch Thị S, bà Bạch Thị B mỗi người phải hoàn lại cho bà Bạch Thị T số tiền 9.433.000 đồng (chín triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị X và các con là (Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2) phải hoàn lại cho bà Bạch Thị T số tiền 9.433.000 đồng (chín triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng). Bà Hồ Thị L và các con là (ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D), phải hoàn lại cho bà Bạch Thị T số tiền 9.433.000 đồng (chín triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Bạch Thị T, bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L không phải chịu án phí. Bà Bạch Thị S, bà Bạch Thị B, bà Bạch Thị T mỗi người phải chịu 37.655.000 đồng (ba mươi B triệu, S trăm năm mươi lăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.438.000 đồng theo các biên lai thu số 0004414, 0004415, 0004416 cùng ngày 13/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân A, bà Bạch Thị S, bà Bạch Thị B, bà Bạch Thị T mỗi người phải nộp thêm 35.217.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm mười B nghìn đồng).

5.1. Bà Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2 mỗi người phải nộp 9.413.000đ án phí sung công quỹ nhà nước khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.192.000đ theo các biên lai thu số 0004417, 0004418, 0004420 cùng ngày 13/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân A, bà Bạch Thị Mộng T1,

Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2 phải nộp tiếp 8.221.000 đồng (tám triệu, hai trăm hai mươi một nghìn đồng).

5.2. Sung vào ngân sách nhà nước số tiền tạm ứng án phí ông Bạch Văn Tx đã nộp 1.192.000đ theo biên lai thu số 0004419 ngày 13/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân A

5.3. Ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị D, bà Bạch Thị L mỗi người phải nộp 9.413.000đ án phí (chín triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng). Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 11/01/2022, bị đơn bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Theo đơn kháng cáo bị đơn bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V không đồng ý áp giá bồi hoàn thửa đất thổ số 17 theo mức giá nhà nước, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm chia giá trị thửa đất này theo giá thị trường của kết quả định giá.

Ngày 19/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân A ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp giá bồi hoàn thửa đất thổ số 17 theo mức giá nhà nước quy định để chia thừa kế là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Ngoài ra, bà Bạch Thị S, sinh năm 1959 hiện đã trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí. Đề nghị yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hồ Thị L, ông Bạch Văn V xác định chỉ kháng cáo yêu cầu xem xét lại cách chia thửa đất số 17, diện tích đo đạc thực tế 1.181,1m<sup>2</sup>, loại đất ONT cho phù hợp, không yêu cầu đo đạc, định giá lại tài sản tranh chấp.

Đồng thời, các đương sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án cụ thể: Di sản thừa kế của cụ Bạch Văn Thu, cụ Phạm Thị Anh là thửa đất số 17, diện tích đo đạc thực tế 1.181,1 m<sup>2</sup>, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An chia bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị B được hưởng, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị X được chia quyền sử dụng phần đất tại khu A diện tích 192,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Bà Hồ Thị L được chia quyền sử dụng phần đất tại khu B diện tích 190m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Bà Bạch Thị B được chia quyền sử dụng phần đất tại khu C diện tích 670,2m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Xác định quyền sử dụng đất tại khu D diện tích 128,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L và bà Bạch Thị B.

Bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L và bà Bạch Thị B tự nguyện cùng tháo dỡ nhà, tài sản, công trình trên đất để được sử dụng đất.

Bà Bạch Thị B có nghĩa vụ giao phần đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L.

Các đương sự không phải bồi hoàn giá trị phần diện tích được nhận nhiều hơn.

Về chi phí phân khu bản vẽ tại cấp phúc thẩm với số tiền 2.500.000 đồng: Bà Bạch Thị T tự nguyện chịu Tx bộ.

(Vị trí tứ cận, loại đất nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 205 - 2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020 và Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa phân khu ngày 28/4/2022).

Các đương sự thống nhất không yêu cầu đo đạc lại thửa đất số 631, tờ bản đồ số 3.

Luật sư Trần Thị Mai Hương bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định không yêu cầu đo đạc lại thửa đất số 631, tờ bản đồ số 3. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về cách phân chia thửa đất số 17 nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Cụ Bạch Văn Thu chết năm 2013 và cụ Phạm Thị Anh chết năm 2015 không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bạch Văn Thu và cụ Phạm Thị Anh gồm các con Bạch Thị T, Bạch Thị S, Bạch Thị B, Bạch Thị T, Bạch Văn Thơi (đã chết) có vợ là bà Nguyễn Thị X và con là Bạch Văn Tx, Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2, ông Bạch Văn Tư (đã chết) có vợ là bà Hồ Thị L và các con là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D.

Di sản thừa kế của cụ Thu và cụ Anh là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20, diện tích 1.181,1m<sup>2</sup> và quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 631, tờ bản đồ số 3, có diện tích 5.000m<sup>2</sup> cùng tọa lạc tại xã An Vĩnh

Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An. Đối với thửa đất 631, tờ bản đồ số 3, có diện tích 5.000m<sup>2</sup> các đương sự thỏa thuận chia bằng hiện vật làm 5 phần mỗi phần 1000m<sup>2</sup>, bà Bạch Thị S nhận giá trị bằng tiền theo giá thị trường là phù hợp.

Đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20, diện tích 1.181,1m<sup>2</sup>: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận với nhau chia cho bà Xòan, bà L, bà B được hưởng theo mảnh trích đo. Việc thỏa thuận các các đương sự hoàn Tx tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ngoài ra, bà S là người cao tuổi có đơn yêu cầu miễn án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân A, tỉnh Long An được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273, 279, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Các nguyên đơn ông (bà) Bạch Thị T, Bạch Thị S, Bạch Thị B, Bạch Thị T, Nguyễn Thị X, Bạch Văn Tx, Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2 khởi kiện tranh chấp thừa kế với bà Hồ Thị L, ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D tại Tòa án nhân dân thành phố Tân A. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân A, tỉnh Long An thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

[3] Về vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bạch Thị T, bà Bạch Thị S, bà Bạch Thị B, bà Bạch Thị T, bà Nguyễn Thị X, ông Bạch Văn Tx, bà Hồ Thị L, ông Bạch Văn V có mặt. Bà Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Kim T2, Bạch Thị Thảo P do bà Nguyễn Thị X đại diện theo ủy quyền có mặt. Bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D do bà Hồ Thị L đại diện theo ủy quyền có mặt. Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về hàng thừa kế: Cụ Bạch Văn Thu (chết ngày 04/5/2013) và cụ Phạm Thị Anh (chết ngày 07/4/2015) là vợ chồng. Cụ Thu và cụ Anh có 06 người con gồm: Bà Bạch Thị T, bà Bạch Thị S, bà Bạch Thị B, bà Bạch Thị T, Bạch Văn Thoi (chết ngày 20/3/2019) có vợ là bà Nguyễn Thị X và con là Bạch Văn Tx, Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2; ông Bạch Văn Tư (chết ngày 18/6/2015) có vợ là bà Hồ Thị L và các con là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D. Các đương sự thống nhất không bỏ sót người thừa kế của cụ Thu, cụ Anh, ông Thoi, ông Tư.

Theo căn cước công dân, sổ hộ khẩu bà Bạch Thị S sinh năm 1962, theo giấy khai sinh thể hiện bà Bạch Thị S sinh năm 1959. Bà S xác định do sơ suất khi làm giấy tờ nên đã thể hiện không thống nhất năm sinh của bà. Các đương sự

thống nhất bà Bạch Thị S sinh năm 1962 và bà Bạch Thị S sinh năm 1959 là một người và là con của cụ Thu, cụ Anh. Bà S sử dụng giấy tờ tùy thân thể hiện năm sinh 1962 để tham gia giao dịch.

[5] Về di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất di sản thừa kế của cụ Anh và cụ Thu là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20, diện tích 1.181,1m<sup>2</sup> và quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 631, tờ bản đồ số 3, có diện tích 5.000m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An. Đồng thời, thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Thu và cụ Anh theo quy định của pháp luật.

[5.1] Đối với một phần thửa đất số 631, tờ bản đồ số 3, có diện tích 5.000m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An, thấy rằng:

Các đương sự trình bày thống nhất phần đất này chia làm 6 phần mỗi phần 833,3m<sup>2</sup> (tương đương số tiền  $833,3\text{m}^2 \times 834.000\text{đồng/m}^2 = 694.972.200\text{đồng}$ ), nhưng do bà Bạch Thị S yêu cầu nhận bằng tiền theo định giá của Công ty định giá Hồng Đức, nên phần di sản là một phần thửa đất số 631, tờ bản đồ số 3, có diện tích 5.000m<sup>2</sup> chia làm 5 phần mỗi phần 1000m<sup>2</sup>. Cụ thể:

Bà Hồ Thị L và các con là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D nhận 1.000m<sup>2</sup> tại vị trí B1, bà Nguyễn Thị X và các con là Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2 nhận 1000m<sup>2</sup> tại vị trí B2, bà Bạch Thị B nhận 1000m<sup>2</sup> tại vị trí B3, bà Bạch Thị T nhận 1000m<sup>2</sup> tại vị trí B4, bà Bạch Thị T nhận 1000m<sup>2</sup> tại vị trí B5 theo mảnh trích đo địa chính số 204 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập ngày 21/12/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020.

Bà Hồ Thị L và các con là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, bà Nguyễn Thị X và các con là (bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2), bà Bạch Thị B, bà Bạch Thị T, bà Bạch Thị T phải hoàn lại phần giá trị vượt quá phần di sản được hưởng là 166,7m<sup>2</sup> theo giá thị trường do Công ty thẩm định giá Hồng Đức đã định giá. Theo đó, bà Bạch Thị T, Bạch Thị B, Bạch Thị T, mỗi người phải hoàn giá trị bằng tiền đối với phần di sản nhận nhiều hơn phần di sản được hưởng là 166.7m<sup>2</sup> cho bà Bạch Thị S.

Theo chứng thư định giá tại thời điểm định giá là 834.000đồng/m<sup>2</sup> tương ứng với giá trị bằng tiền là  $166,7\text{m}^2 \times 834.000\text{đồng} = 139.028.000\text{đồng}$ . Bà Nguyễn Thị X, bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2 phải hoàn giá trị bằng tiền đối với phần di sản nhận nhiều hơn phần di sản được hưởng cho bà Bạch Thị S là 166,7m<sup>2</sup> tương ứng với số tiền là 139.028.000 đồng. Bà Hồ Thị L và các con là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D phải hoàn giá trị bằng tiền đối với phần di sản nhận nhiều hơn phần di sản được hưởng cho bà Bạch Thị S là 166,7m<sup>2</sup> tương ứng với số tiền là 139.028.000 đồng.

Các đương sự thống nhất cách chia như án sơ thẩm, không kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20, diện tích đo đạc thực tế là 1.181,1m<sup>2</sup>, thấy rằng:

Các đương sự không thống nhất cách Tòa án cấp sơ thẩm chia thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20, diện tích 1.181,1m<sup>2</sup>. Các đồng bị đơn bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4-20, diện tích đo đạc thực tế là 1.181,1m<sup>2</sup>, đề nghị nhận kỷ phần thửa kế theo giá thị trường. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân A kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp giá bồi hoàn thửa đất thổ số 17 theo mức giá nhà nước quy định là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Ngoài ra, bà Bạch Thị S, sinh năm 1959 hiện đã trên 60 thuộc trường hợp miễn án phí. Các đương sự còn lại không kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trong phạm vi yêu cầu kháng cáo của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Di sản thừa kế của cụ Bạch Văn Thu, cụ Phạm Thị Anh là thửa đất số 17, diện tích đo đạc thực tế 1.181,1 m<sup>2</sup>, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An, được chia cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị X được chia quyền sử dụng phần đất tại khu A diện tích 192,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Bà Hồ Thị L được chia quyền sử dụng phần đất tại khu B diện tích 190m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Bà Bạch Thị B được chia quyền sử dụng phần đất tại khu C diện tích 670,2m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Xác định quyền sử dụng đất tại khu D diện tích 128,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế gồm bà Bạch Thị X, bà Hồ Thị L và bà Bạch Thị B.

Bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L và bà Bạch Thị B tự nguyện cùng tháo dỡ nhà, tài sản, công trình trên đất để được sử dụng đất.

Hiện bà B đang quản lý, sử dụng phần đất này nên bà Bạch Thị B có nghĩa vụ giao phần đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L.

(Vị trí tứ cận, loại đất nêu trên được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 205 – 2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020 và Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa phân khu ngày 28/4/2022).

Về chi phí phân khu bản vẽ tại cấp phúc thẩm với số tiền 2.500.000 đồng: Bà Bạch Thị T tự nguyện chịu Tx bộ (đã nộp và chi phí xong).

Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn Tx tự nguyện, không vi phạm điều

cầm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí đo vẽ, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp tại cấp sơ thẩm là 56.600.000 đồng chi phí này do bà Bạch Thị T nộp tạm ứng Tx bộ. Chi phí này được chia đều làm 6 phần theo phân chia di sản mỗi phần là 9.433.000 đồng. Vì vậy bà Bạch Thị T; bà Bạch Thị S; bà Bạch Thị B; bà Nguyễn Thị X và con (là bà Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2); bà Hồ Thị L và các con (là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D), phải hoàn lại cho bà Bạch Thị T là 9.433.000 đồng. Bà Bạch Thị T tự nguyện chịu 9.435.000 đồng đã nộp và chi phí xong.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

Bà Bạch Thị T, bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị S thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V có nghĩa vụ liên đới chịu 23.849.250 đồng.

Bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2 có nghĩa vụ liên đới chịu 23.849.250 đồng.

Bà Bạch Thị B có nghĩa vụ chịu 45.699.680 đồng.

Bà Bạch Thị T có nghĩa vụ chịu 31.799.000 đồng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân A, tỉnh Long An; chấp nhận Tx bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 12, 14, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

Bà Bạch Thị D, bà Bạch Thị L, ông Bạch Văn V mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Bạch Thị D, bà Bạch Thị L, ông Bạch Văn V mỗi người đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0001273, 0001274, 0001275 cùng ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân A.

Bà Hồ Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí phúc thẩm nên không phải hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà L.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự dân sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, 228, 483, khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 6, 12, 14, 26, 27, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế của các đồng nguyên đơn bà Bạch Thị T, bà Bạch Thị S, bà Bạch Thị B, bà Bạch Thị T, bà Nguyễn Thị X, bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2 đối với bị đơn bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V.

1. Di sản thừa kế của cụ Bạch Văn Thu, cụ Phạm Thị Anh là 5.000m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An được chia thừa kế cụ thể như sau.

1.1. Bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V được chia quyền sử dụng đất tại khu B1, diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

1.2. Bà Nguyễn Thị X, bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2 được chia quyền sử dụng đất tại khu B2, diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

1.3. Bà Bạch Thị B được chia quyền sử dụng đất tại khu B3, diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

1.4. Bà Bạch Thị T được chia quyền sử dụng đất tại khu B4, diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

1.5. Bà Bạch Thị T được chia quyền sử dụng đất tại khu B5, diện tích 1.000m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 631 tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

1.6. Bà Bạch Thị T, bà Bạch Thị B, bà Bạch Thị T mỗi người phải hoàn cho bà Bạch Thị S số tiền là 139.028.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

1.7. Bà Hồ Thị L và các con là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D có nghĩa vụ liên đới hoàn cho bà Bạch Thị S số tiền là 139.028.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

1.8. Bà Nguyễn Thị X, bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn cho bà Bạch Thị S số tiền là 139.028.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V có nghĩa vụ giao phần thừa kế cho những người thừa kế được hưởng các khu đất nêu trên.

(Vị trí tứ cận, loại đất các khu đất nêu trên theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020 và Mảnh trích đo bản đồ địa chính phân khu ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa).

2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về việc:

Di sản thừa kế của cụ Bạch Văn Thu, cụ Phạm Thị Anh là thửa đất số 17, diện tích đo đạc thực tế 1.181,1m<sup>2</sup>, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An, được chia cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị X được chia quyền sử dụng phần đất tại khu A diện tích 192,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

2.2. Bà Hồ Thị L được chia quyền sử dụng phần đất tại khu B diện tích 190m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

2.3. Bà Bạch Thị B được chia quyền sử dụng phần đất tại khu C diện tích 670,2m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Xác định quyền sử dụng đất tại khu D diện tích 128,5m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4-20, đất tọa lạc tại xã An Vĩnh Ng, thành phố Tân A, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế gồm bà Bạch Thị X, bà Hồ Thị L và bà Bạch Thị B.

Bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L và bà Bạch Thị B tự nguyện cùng tháo dỡ nhà, tài sản, công trình trên đất để được sử dụng đất.

Bà Bạch Thị B có nghĩa vụ giao phần đất được chia nêu trên cho bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L.

(Vị trí tứ cận, loại đất các khu đất nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 205 - 2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 21/12/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân A Dệt ngày 22/12/2020 và Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa phân khu ngày 28/4/2022).

Người được thi hành án, người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp).

Trong trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp) theo bản án.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Các đương sự không được ngăn cản các bên thực hiện quyền của người được xác lập quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp các bên vi phạm việc sử dụng đất đã được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Văn Tx về việc “Tranh chấp thừa kế” đối với bị đơn bà Hồ Thị L, ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D.

4. Về chi phí đo vẽ, định giá và xem xét thẩm định:

4.1. Về chi phí đo vẽ, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm: Tổng chi phí là 56.600.000 đồng (năm mươi S triệu S trăm nghìn đồng) chi phí này do bà Bạch Thị T nộp Tx bộ tạm ứng.

Buộc bà Bạch Thị T, bà Bạch Thị S, bà Bạch Thị B mỗi người phải hoàn lại cho bà Bạch Thị T số tiền 9.433.000 đồng (chín triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị X và các con là Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho bà Bạch Thị T số tiền 9.433.000 đồng (chín triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Bà Hồ Thị L và các con là ông Bạch Văn V, bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho bà Bạch Thị T số tiền 9.433.000 đồng (chín triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Bà Bạch Thị T tự nguyện chịu 9.435.000 đồng (chín triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn) đã nộp và chi phí xong.

4.2. Về chi phí phân khu bản vẽ tại cấp phúc thẩm với số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng): Bà Bạch Thị T tự nguyện chịu Tx bộ (đã nộp và chi phí xong).

#### 5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Bà Bạch Thị T, bà Nguyễn Thị X, bà Hồ Thị L, bà Bạch Thị S thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Bà Bạch Thị L, bà Bạch Thị D, ông Bạch Văn V có nghĩa vụ liên đới chịu 23.849.250 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng).

5.3. Bà Bạch Thị Mộng T1, bà Bạch Thị Thảo P, bà Bạch Thị Kim T2 có nghĩa vụ liên đới chịu 23.849.250 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.576.000 đồng (ba triệu năm trăm B mươi S nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0004417, 0004418, 0004420 cùng ngày 13/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân A. Bà Bạch Thị Mộng T1, Bạch Thị Thảo P, Bạch Thị Kim T2 phải liên đới nộp tiếp 20.273.250 đồng (hai mươi triệu hai trăm B mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng).

5.4. Bà Bạch Thị B có nghĩa vụ chịu 45.699.680 đồng (bốn mươi lăm triệu S trăm chín mươi chín nghìn S trăm tám mươi đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.438.000 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004414 ngày 13/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân A. Bà Bạch Thị B còn phải nộp tiếp 43.261.680 đồng (bốn mươi ba triệu hai trăm S mươi một nghìn S trăm tám mươi đồng).

5.5. Bà Bạch Thị T có nghĩa vụ chịu 31.799.000 đồng (ba mươi một triệu B trăm chín mươi chín nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.438.000 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004416 ngày 13/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân A. Bà Bạch Thị T còn phải nộp tiếp 29.361.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm S mươi một nghìn đồng).

5.6. Bà Bạch Thị S được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Bạch Thị S 2.438.000 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004415 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân A.

5.7. Sung vào ngân sách nhà nước số tiền tạm ứng án phí ông Bạch Văn Tx đã nộp 1.192.000 đồng (một triệu một trăm chín mươi hai nghìn) theo biên lai thu số 0004419 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân A.

#### 6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

6.1. Bà Bạch Thị D, bà Bạch Thị L, ông Bạch Văn V mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc

thẩm bà Bạch Thị D, bà Bạch Thị L, ông Bạch Văn V mỗi người đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001273, 0001274, 0001275 cùng ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân A.

6.2. Bà Hồ Thị L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về hiệu lực của bản án: Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân A;
- Chi cục THADS thành phố Tân A;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hồng Vân**